| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**KHU VỰC 9**<br>**THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: **27**/2025/DS-ST
Ngày: 09/7/2025
*V/v tranh chấp hợp đồng thẻ tín dụng vay tài sản.*

# NHÂN DANH
# NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

## TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

**Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm:**

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Nam Hải,
*Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Đình Thức,
Bà Nguyễn Thị Mỹ Linh.

- *Thư ký viên Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Lê Thị Tường Vi, Thư ký viên Toà án nhân dân khu vực 9 Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:* B Trần Mai Hảo, Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 7 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 825/2024/DSST ngày 15 tháng 10 năm 2024, về "Tranh chấp hợp đồng thẻ tín dụng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 864/2025/QĐST-DS ngày 28 tháng 5 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 1031/2025/QĐST-DS ngày 18 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn*: **Ngân hàng thương mại cổ phần S** (S1), địa chỉ: Lầu A số B - B N, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường X, Thành phố Hồ Chí Minh). Người đại diện theo uỷ quyền: anh Nguyễn Ngọc M (có đơn yêu cầu vắng mặt tại phiên toà).

*Bị đơn*: ông **La Tuấn K**, địa chỉ: Khóm A, Thị trấn C, huyện T, Tỉnh An Giang (nay là thị trấn T, Tỉnh An Giang). Tạm trú: 159/9/14 N, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt tại phiên toà).

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn cùng các tài liệu, chứng cứ Toà án đã thu thập, thể hiện nội dung vụ án như sau:*

Ông La Tuấn K ký Hợp đồng sử dụng thẻ tím dụng ngày 27/7/2023 (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng) với Ngân hàng thương mại cổ phần S (sau đây gọi tắt là: S1); hạn mức tín dụng: 50.000.000 đồng; mục đích: tiêu dùng cá nhân.; loại thẻ Visa, số thẻ: 436438-1719 ; lãi suất: 2,482%/tháng.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông La Tuấn K đã thực hiện giao dịch với số tiền 149.390.000 đồng.

Ông La Tuấn K đã đã thanh toán cho S1 tổng cộng là: 102.748.950 đồng, rồi không tiếp tục theo thoả thuận của hợp đồng.

Ngày 06/02/2024, S1 đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ tín dụng của ông La Tuấn K và chuyển toàn bộ số nợ sang nợ quá hạn.

Tính đến ngày 18/6/2025, ông La Tuấn K còn nợ thẻ tín dụng S1 tổng cộng là 88.416.939 đồng, trong đó: nợ gốc: 54.578.959 đồng, nợ lãi: 33.837.980 đồng.

S1 yêu cầu ông La Tuấn K thanh toán số nợ tính đến ngày 18/6/2025, nêu trên, tổng cộng là 88.416.939 đồng làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật; đồng thời ông La Tuấn K phải thanh toán tiền lãi phát sinh từ ngày 19/6/2025 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ với S1.

** Đối với bị đơn ông La Tuấn K:*

Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án dân sự số 825/2024/TB-TLVA ngày 15 tháng 10 năm 2024; giấy triệu tập tự khai; hai Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa, nhưng ông La Tuấn K đều vắng mặt không lý do, nên Tòa án quyết định xét xử vụ án theo trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn vắng mặt, giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.
- Bị đơn không có yêu cầu phản tố, vắng mặt.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 Thành phố Hồ Chí Minh, tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: việc xác minh, thu thập chứng cứ, thực hiện thủ tục tống đạt các loại văn bản tố tụng và xét xử của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký được thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Thời hạn chuẩn bị xét xử, thời hạn chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát là đúng quy định.

+ Về nội dung vụ án: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần S (S1) nộp, thể hiện tính đến ngày 18/6/2025, ông La Tuấn K còn nợ thẻ tín dụng S1 tổng cộng là 88.416.939 đồng, trong đó: nợ gốc: 54.578.959 đồng, nợ lãi: 33.837.980 đồng.

Bị đơn vắng mặt trong quá trình Toà án thụ lý, giải quyết vụ án, nên không ghi nhận được ý kiến. Toà án đã thực hiện việc tống đạt cho bị đơn các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng, nhưng bị đơn không thực hiện; thể hiện bị đơn không có yêu cầu phản tố hay yêu cầu khíac đối với nguyên đơn.

Kết quả phần thủ tục hỏi, phần tranh luận tại phiên tòa, nhận thấy việc thẩm tra, xem xét chứng cứ của Hội đồng xét xử là đầy đủ, rõ ràng. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: buộc bị đơn ông La Tuấn K thanh toán nợ cho S1 tính đến ngày 18/6/2025 tổng cộng là 88.416.939 đồng, trong đó: nợ gốc: 54.578.959 đồng, nợ lãi: 33.837.980 đồng. Thanh toán làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật; đồng thời ông La Tuấn K

phải thanh toán tiền lãi phát sinh từ ngày 19/6/2025 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ với S1.

## PHẦN NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận định:

** Về tố tụng:*

[1] Về đơn khởi kiện:

Hình thức, nội dung Đơn khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần S (sau đây gọi tắt là: S1) thực hiện đúng quy định tại Điều 189 Bộ luật tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về tư cách pháp nhân:

[2] Về tư cách pháp nhân:

S1 có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp: 0301103908, đăng ký lần đầu ngày 13/01/1992, đăng ký thay đổi lần thứ 41 ngày 26/12/2022, được cấp bởi Phòng đăng ký kinh doanh - Sở kế hoạch và đầu tư Thành phố H. Như vậy, về tư cách pháp nhân của Ngân hàng, phù hợp quy định của Luật doanh nghiệp.

[3] Về việc ủy quyền tham gia tố tụng:

Tổng giám đốc S1 có văn bản ủy quyền thường xuyên cho Tổng giám đốc Công ty TNHH MTV Q và khai thác tài sản Ngân hàng S ký Đơn khởi kiện; sau đó Tổng giám đốc Công ty TNHH MTV Q và khai thác tài sản Ngân hàng S đã có văn bản ủy quyền lại cho anh Nguyễn Ngọc M tham gia tố tụng trong vụ án dân sự tranh chấp hợp đồng tín dụng vay tài sản đối với ông La Tuấn K, việc ủy quyền và nhận ủy quyền là phù hợp quy định của Bản điều lệ S1, pháp luật về dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền của Toà án:

Trong vụ án này, căn cứ bản sao Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng; Bản điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng; bản phô tô giấy CCCD của ông La Tuấn K; hai bên đương sự thống nhất chọn nơi ông K cư trú là phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh là địa chỉ liên lạc và gửi các văn bản giao dịch, nên việc "tranh chấp hợp đồng thẻ tín dụng" là loại tranh chấp về hợp đồng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 9 Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[5] Về tính tự nguyện giao kết giữa các chủ thể khi giao kết hợp đồng:

Hai bên đương sự có xác lập Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng; Bản điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng theo mẫu chung do Ngân hàng dự thảo, theo quy định tại Điều 405 Bộ luật dân sự 2015, việc hai bên ký kết hợp đồng theo đúng trình tự, thủ tục quy định, đồng thời bị đơn đã thanh toán một số kỳ của hợp đồng, nên Hội đồng xét xử xét, hình thức và nội dung Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng; Bản điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng được giao kết và thực hiện là hoàn toàn tự nguyện, không bị đe dọa, ép buộc khi giao kết hợp đồng.

[6] Về yêu cầu phản tố của bị đơn:

Trong vụ án này, Toà án đã thực hiện tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng về dân sự cho bị đơn ông La Tuấn K. Hết thời hạn quy định của các văn bản tố tụng về dân sự, bị đơn không có Đơn phản tố hoặc ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; do vậy, Hội đồng xét xử đủ căn cứ kết luận bị đơn không có yêu cầu phản tố.

** Về nội dung vụ án:*

[7] Việc bổ sung tài liệu, chứng cứ:

Tại phiên tòa, các đương sự  không bổ sung tài liệu, chứng cứ gì khác ngoài các tài liệu, chứng cứ đã giao nộp cho Tòa án.

[8] Hội đồng xét xử xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[8.1] Về số nợ vốn:

Căn cứ vào Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng; Thông báo về việc quá hạn thanh toán dư nợ vay và dư nợ thẻ tín dụng tại S1; Thông báo nhắc nợ; Bản tự khai của người đại diện theo ủy quyền S1; bảng tính gốc, lãi khách hàng,… do S1 lập, cùng các tài liệu chứng cứ khác, Hội đồng xét xử xét, căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã thu thập, thể hiện ông La Tuấn K là người xác lập giao dịch dân sự với S1: mở thẻ tín dụng Visa số 436438-1719 với S1, hạn mức thẻ 50.000.000 đồng. Ông K đã thực hiện các giao dịch từ thẻ tín dụng với số tiền 149.390.000 đồng, đã thanh toán được 102.748.950 đồng, rồi ông K không thanh toán tiếp theo các đợt đã thoả thuận với S1. Ngày 06/02/2024, S1 chấm dứt quyền sử dụng thẻ tín dụng và chuyển dư nợ sang nợ quá hạn là 54.578.959 đồng.

Tính đến ngày 18/6/2025 ông K còn nợ gốc của S1 là 54.578.959 đồng

[8.2] Về nợ lãi suất:

S1 và ông La Tuấn K thỏa thuận tại Bản điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ của S1, thể hiện lãi suất (trong hạn, quá hạn) là căn cứ theo Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Biểu phí thẻ tín dụng quốc tế, được ban hành theo nội dung Thông tư số 19/2016/TT-NHNN ngày 30/6/2016 của Ngân hàng N, quy định về hoạt động thẻ ngân hàng; Thông tư số 17/2021/TT-NHNN ngày 16/11/2021 của Ngân hàng N, sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2016/TT-NHNN30 tháng 6 năm 2016 của Thống đốc Ngân hàng N quy định về hoạt động thẻ ngân hàng.

Hội đồng xét xử xét, lãi suất thoả thuận sử dụng thẻ tín dụng là lãi trong hạn 2,482%/tháng, lãi quá hạn 33,837,980%/năm, mục đích sử dụng: tiêu dùng cá nhân, tính đến ngày 18/6/2025 ông La Tuấn K nợ lãi quá hạn là: 33.837.980 đồng, đây là lãi suất thỏa thuận giữa S1 và ông La Tuấn K, phù hợp quy định của Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N, quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng; Thông tư số 06/2023/TT-NHNN ngày 28/6/2023 của Ngân hàng N, sửa đổi, bổ sung quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng một số điều của Thông tư số 39/2016/TT-NHNNngày 30 tháng 12 năm 2016 của Thống đốc Ngân hàng N quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng; Thông tư số 12/2024/TT-NHNN ngày 28 tháng 6 năm 2024 của Ngân hàng N sửa đổi, bổ sung một số điều của

thông tư số 39/2016/TT-NHNN30 tháng 12 năm 2016 của Thống đốc Ngân hàng N quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng, nên chấp nhận.

[9] Căn cứ vào kết quả thẩm tra công khai các chứng cứ, phân tích đánh giá toàn bộ nội dung vụ án tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định ông La Tuấn K là người yêu cầu S1 mở thẻ tín dụng hạn mức 50.000.000 đồng, hiện dư nợ của ông K tính đến ngày 18/6/2025 là 88.416.939 đồng, trong đó: nợ gốc: 54.578.959 đồng, nợ lãi: 33.837.980 đồng.

Việc ông La Tuấn K là người vi phạm thỏa thuận hợp đồng, gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của S1, do vậy S1 yêu cầu Tòa án buộc ông La Tuấn K thanh toán khoản nợ tổng cộng là 88.416.939 đồng, nêu trên, làm một lần, ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, là có căn cứ, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận; đồng thời, ông K còn phải tiếp tục thanh toán số tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất nợ quá hạn, do các bên thỏa thuận tại Bản điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ của S1, Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng, kể từ ngày 19/6/2025, cho đến khi ông K thanh toán xong toàn bộ khoản nợ đối với S1.

[10] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông La Tuấn K phải chịu án phí dân sự là 4.420.850 đồng (làm tròn số).

S1 không phải chịu án phí dân sự, S1 được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã tạm nộp là 1.673.648 đồng.

*Vì các lẽ nêu trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng:

Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 91, 93, 94, 96, 97, 101, 106, 109, 189, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 233, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Luật doanh nghiệp;

Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng;

Điều 405 Bộ luật dân sự năm 2015;

Luật thi hành án dân sự;

Thông tư số 19/2016/TT-NHNN ngày 30/6/2016 của Ngân hàng N, quy định về hoạt động thẻ ngân hàng;

Thông tư số 1/2021/TT-NHNN ngày 16/11/2021 của Ngân hàng N, sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 19/2016/TT-NHNN30 tháng 6 năm 2016 của thống đốc ngân hàng N quy định về hoạt động thẻ ngân hàng;

Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N, quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng;

Thông tư số 06/2023/TT-NHNN ngày 28/6/2023 của Ngân hàng N, sửa đổi, bổ sung quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng một số điều của thông tư số 39/2016/TT-NHNN30 tháng 12 năm 2016 của thống đốc ngân hàng N quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng;

Thông tư số 12/2024/TT-NHNN ngày 28 tháng 6 năm 2024 của Ngân hàng N sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 39/2016/TT-NHNN30 tháng 12 năm 2016 của Thống đốc Ngân hàng N quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng;

Thông tư số 18/2024/TT-NHNN ngày 28 tháng 6 năm 2024 của Ngân hàng N quy định về hoạt động thẻ ngân hàng;

Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về lệ phí, án phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần S.

Buộc ông La Tuấn K có nghĩa vụ dân sự thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần S, tổng cộng số tiền tính đến ngày 18 tháng 6 năm 2025 là 88.416.939 đồng (Tám mươi tám triệu bốn trăm mười sáu ngàn chín trăm ba mươi chín đồng), trong đó bao gồm: nợ gốc: 54.578.959 đồng (Năm mươi bốn triệu năm trăm bảy mươi tám ngàn chín trăm năm mươi chín đồng), nợ lãi: 33.837.980 đồng (Ba mươi ba triệu tám trăm ba mươi bảy ngàn chín trăm tám mươi đồng).

Đồng thời, ông La Tuấn K còn phải chịu tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất nợ quá hạn, tính từ ngày 19 tháng 6 năm 2025 cho đến khi ông La Tuấn K thanh toán xong toàn bộ khoản nợ đối với Ngân hàng thương mại cổ phần S.

Cách thức thanh toán: ông La Tuấn K có nghĩa vụ dân sự thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần S, tổng cộng số tiền là 88.416.939 đồng (T mươi tám triệu bốn trăm mười sáu ngàn chín trăm ba mươi chín đồng), nêu trên, làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Ông La Tuấn K phải chịu án phí dân sự là 4.420.850 đồng (Bốn triệu bốn trăm hai mươi ngàn tám trăm năm mươi đồng). Ông La Tuấn K nộp số tiền án phí dân sự 4.420.850 đồng (Bốn triệu bốn trăm hai mươi ngàn tám trăm năm mươi đồng), nêu trên, tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2.2. Ngân hàng thương mại cổ phần S không phải chịu án phí dân sự, Ngân hàng thương mại cổ phần S được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã tạm nộp là 1.673.648 đồng (Một triệu sáu trăm bảy mươi ba ngàn sáu trăm bốn mươi tám đồng), theo Biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án Ký hiệu: BLTU/24P số 0045041, ngày 11 tháng 10 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 9 Thành phố Hồ Chí Minh).

3. Các bên đương sự thi hành bản án tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4. Quyền kháng cáo:

Ngân hàng thương mại cổ phần S và ông La Tuấn K, vắng mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 và 26 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành quyết định được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận:***
- Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 Thành phố Hồ Chí Minh;
- Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Lê Nam Hải**

| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**KHU VỰC 9**<br>**THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

# BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào lúc 09 giờ 30 phút ngày 09 tháng 7 năm 2025, tại Phòng nghị án trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 Thành phố Hồ Chí Minh.

Hội đồng xét xử sơ thẩm với thành phần gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Nam H,
- *Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Đình T1,

B Nguyễn Thị Mỹ L.

Đã tiến hành nghị án hồ sơ thụ lý số 825/2024/DSST ngày 15 tháng 10 năm 2024, về "Tranh chấp hợp đồng thẻ tín dụng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 864/2025/QĐST-DS ngày 28 tháng 5 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 1031/2025/QĐST-DS ngy 18 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn*: **Ngân hàng thương mại cổ phần S** (S1), địa chỉ: Lầu A số B - B N, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường X, Thành phố Hồ Chí Minh). Người đại diện theo uỷ quyền: anh Nguyễn Ngọc M (có đơn yêu cầu vắng mặt tại phiên toà).

*Bị đơn*: ông **La Tuấn K**, địa chỉ: Khóm A, Thị trấn C, huyện T, Tỉnh An Giang (nay là thị trấn T, Tỉnh An Giang). Tạm trú: 159/9/14 N, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt tại phiên toà).

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án và sự trình bày, tranh luận và xác nhận của đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thảo luận và biểu quyết những vấn đề sau:

**1. Về điều luật áp dụng:**

Căn cứ:

Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 91, 93, 94, 96, 97, 101, 106, 109, 189, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 233, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Luật doanh nghiệp;

Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng;

Điều 405 Bộ luật dân sự năm 2015;

Luật thi hành án dân sự;

Thông tư số 19/2016/TT-NHNN ngày 30/6/2016 của Ngân hàng N, quy định về hoạt động thẻ ngân hàng;

Thông tư số 1/2021/TT-NHNN ngày 16/11/2021 của Ngân hàng N, sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 19/2016/TT-NHNN30 tháng 6 năm 2016 của thống đốc ngân hàng N quy định về hoạt động thẻ ngân hàng;

Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N, quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng;

Thông tư số 06/2023/TT-NHNN ngày 28/6/2023 của Ngân hàng N, sửa đổi, bổ sung quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng một số điều của thông tư số 39/2016/TT-NHNN30 tháng 12 năm 2016 của thống đốc ngân hàng N quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng;

Thông tư số 12/2024/TT-NHNN ngày 28 tháng 6 năm 2024 của Ngân hàng N sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 39/2016/TT-NHNN30 tháng 12 năm 2016 của Thống đốc Ngân hàng N quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng;

Thông tư số 18/2024/TT-NHNN ngày 28 tháng 6 năm 2024 của Ngân hàng N quy định về hoạt động thẻ ngân hàng;

Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về lệ phí, án phí Tòa án

*Biểu quyết:* . . . . . .

**2. Về nội dung:**

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần S (S1).

Buộc ông La Tuấn K có nghĩa vụ dân sự thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần S, tổng cộng số tiền tính đến ngày 18 tháng 6 năm 2025 là 88.416.939 đồng (Tám mươi tám triệu bốn trăm mười sáu ngàn chín trăm ba mươi chín đồng), trong đó bao gồm: nợ gốc: 54.578.959 đồng (Năm mươi bốn triệu năm trăm bảy mươi tám ngàn chín trăm năm mươi chín đồng), nợ lãi: 33.837.980 đồng (Ba mươi ba triệu tám trăm ba mươi bảy ngàn chín trăm tám mươi đồng).

Đồng thời, ông La Tuấn K còn phải chịu tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất nợ quá hạn, tính từ ngày 19 tháng 6 năm 2025 cho đến khi ông La Tuấn K thanh toán xong toàn bộ khoản nợ đối với Ngân hàng thương mại cổ phần S.

Cách thức thanh toán: ông La Tuấn K có nghĩa vụ dân sự thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần S, tổng cộng số tiền là 88.416.939 đồng (T mươi tám triệu bốn trăm mười sáu ngàn chín trăm ba mươi chín đồng), nêu trên, làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

*Biểu quyết:* . . . . . .

**3. Về án phí dân sự sơ thẩm:**

3.1. Ông La Tuấn K phải chịu án phí dân sự là 4.420.850 đồng (Bốn triệu bốn trăm hai mươi ngàn tám trăm năm mươi đồng). Ông La Tuấn K nộp số tiền án phí dân sự 4.420.850 đồng (Bốn triệu bốn trăm hai mươi ngàn tám trăm năm mươi đồng), nêu trên, tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3.2. Ngân hàng thương mại cổ phần S không phải chịu án phí dân sự, Ngân hàng thương mại cổ phần S được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã tạm nộp là 1.673.648 đồng (Một triệu sáu trăm bảy mươi ba ngàn sáu trăm bốn mươi tám đồng), theo Biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án Ký hiệu: BLTU/24P số

0045041, ngày 11 tháng 10 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 9 Thành phố Hồ Chí Minh).

*Biểu quyết:* . . . . . .

**4. Về thi hành án:**

Các bên đương sự thi hành bản án tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 và 26 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành quyết định được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

*Biểu quyết:* . . . . . .

**5. Về quyền kháng cáo:**

Ngân hàng thương mại cổ phần S và ông La Tuấn K, vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Buổi nghị án kết thúc lúc 10 giờ 05 phút cùng ngày, các thành viên Hội đồng xét xử đã đọc lại biên bản và ghi nhận đúng nội dung đã quyết định.

HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN

CHỦ TỌA PHIÊN TÒA